Tờ Dữ Liệu An Toàn

ĐOẠN 1 NHẬN DIỆN SẢN PHẨM VÀ CÔNG TY

Delo Gear EP-5 SAE 80W-90, 85W-140

Sử dụng sản phẩm: Nhớt Cầu
(Các) số sản phẩm: 219941, 510411, 510412
Nhận diện công ty
Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam
Lô F4 - Khu Công nghiệp Đình Vũ - An Hải
Hải Phòng
Việt Nam

Phản Ứng khẩn cấp khi vận chuyển
Trung Tâm Thông Tin Khẩn Cấp Chevron: Đặt tại Hoa Kỳ. Nhận điện thoại quốc tế người nhận trả. (800) 231-0623 hay (510) 231-0623
Sức khỏe khẩn cấp
Trung Tâm Thông Tin Khẩn Cấp Chevron: Đặt tại Hoa Kỳ. Nhận điện thoại quốc tế người nhận trả. (800) 231-0623 hay (510) 231-0623
Thông tin sản phẩm
điện thư : CLVLTech@chevron.com
Thông tin sản phẩm: +84-4-37332545
Số FAX: +84-4-37332555

ĐOẠN 2 NHẬN DẠNG CHẤT NGUY HIỂM

XẾP LOẠI:
Không được phân loại là độc hại theo hướng dẫn quy định của Luật Hóa chất số 69/2025/QH15.

ĐOẠN 3 CẤU TẠO / THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN

THÀNH PHẦN	SỐ CAS	SỐ LƯỢNG
Dầu khoáng tinh chế cao (C15–50)	Hỗn hợp	70 - 99 % trọng lượng

ĐOẠN 4 PHƯƠNG PHÁP SƠ CỨU

Mắt: Không cần phải dùng biện pháp sơ cứu đặc biệt nào. Để phòng ngừa, tháo kính áp tròng ra nếu có mang, và xối rửa mắt bằng nước.
Da: Không cần phải dùng biện pháp sơ cứu đặc biệt nào. Để phòng ngừa, tháo quần áo và giày dép nếu bị thấm nhiễm. Để loại bỏ thêm vật liệu khỏi da, hãy sử dụng xà phòng và nước. Vứt bỏ quần áo và giày dép bị nhiễm bẩn hoặc làm sạch kỹ lưỡng trước khi sử dụng lại.
Ăn: Không cần phải dùng biện pháp sơ cứu đặc biệt nào. Đừng làm nôn mửa. Biện pháp đề phòng là hỏi ý kiến y tế.
Hít vào: Không cần phải dùng biện pháp sơ cứu đặc biệt nào. Nếu tiếp xúc chất liệu trong không khí ở mức quá cao, đưa người bị tiếp xúc ra chỗ không khí trong lành. Hãy đến nơi chăm sóc y tế nếu bị ho hay khó chịu ở đường hô hấp. Nếu có xác suất tiếp xúc khí sunfua hydro (H2S) trong trường hợp khẩn cấp, hãy đeo mặt nạ cung cấp không khí (áp lực dương) đã được phê chuẩn. Dời người đã phơi nhiễm ra nơi có không khí trong lành. Nếu thấy ngưng thở thì cần hô hấp nhân tạo. Nếu khó thở thì cho hít

dưỡng khí. Đến nơi chăm sóc y tế ngay.

ẢNH HƯỞNG SỨC KHỎE TRỰC TIẾP
Mắt: Dự kiến không gây xốn mắt kéo dài hay nghiêm trọng.
Da: Dự kiến sẽ không gây ngứa kéo dài hoặc đáng kể khi tiếp xúc với da. Dự kiến sẽ không gây dị ứng da khi tiếp xúc với da. Dự kiến không gây hại cho cơ quan nội tạng nếu hấp thu qua da.
Ăn: Dự kiến không gây hại nếu nuốt vào.
Hít vào: Dự kiến không gây hại nếu hít phải. Chứa dầu khoáng gốc dầu mỏ. Có thể bị bứt rứt hô hấp hoặc tác động khác lên phổi sau khi xông hít sương dầu trong một thời gian dài hoặc lập đi lập lại ở nồng độ (trong không khí) cao hơn giới hạn tiếp xúc phơi nhiễm đã khuyến nghị đối với sương dầu khoáng. Triệu chứng ngứa rát hệ hô hấp có thể bao gồm ho và khó thở. Sunfua hydro bốc mùi trứng thối nồng nặc. Tuy nhiên, khi tiếp xúc liên tục đủ lâu và ở nồng độ cao, H2S có thể làm thui chột khứu giác của con người. Nếu không còn ngửi thấy mùi trứng thối nữa thì chưa hẳn có nghĩa là đã hết phơi nhiễm. Ở nồng độ thấp, sunfua hydro gây xốn rát mắt, mũi và cổ họng. Nồng độ trung bình có thể làm nhức đầu, chóng mặt, buồn nôn, ói mửa, kể cả ho và khó thở. Nồng độ cao có thể gây sốc, co giật, hôn mê, và tử vong. Thông thường triệu chứng sẽ lập tức xuất hiện sau khi tiếp xúc phơi nhiễm quá nặng. Viện Quốc Gia Hoa Kỳ về Sức Khỏe và An Toàn Nghề Nghiệp (National Institute for Occupational Safety and Health, hay NIOSH) xem nồng độ sunfua hydro lớn hơn 100 ppm trong không khí là Nguy Hiểm Trực Tiếp cho Tính Mạng và Sức Khỏe (Immediately Dangerous to Life and Health, hay IDLH).

Lưu ý cho bác sĩ: Chữa trị bằng cách cho thở oxy 100% và chăm sóc hỗ trợ cho trường hợp nhiễm độc khí sunfua hydro. Muốn biết thêm thông tin về H2S, xem SDS Chevron Số 301.

ĐOẠN 5 PHƯƠNG PHÁP CHỮA CHÁY

PHƯƠNG TIỆN DẬP TẮT: Dùng màn nước, chất bọt, hóa chất khô hay dioxit cacbon (CO2) để dập lửa.

BẢO VỆ LÍNH CỨU HỎA:
Chỉ dẫn chữa cháy: Chất này sẽ cháy, mặc dù không dễ gì kích hỏa. Xem Đoạn 7 để biết cách xếp dỡ và bảo quản đúng quy định. Khi xảy ra hỏa hoạn liên can đến chất này thì đừng đi vào bất cứ nơi quây kín hoặc chật hẹp bít bùng nào đang cháy mà không có trang bị bảo vệ thích hợp, kể cả dụng cụ thở độc lập.
Sản phẩm đốt cháy: Tùy thuộc rất lớn vào điều kiện cháy. Một hỗn hợp phức chất – gồm các thành phần đặc, lỏng và khí, trong đó kể cả monoxit cacbon, dioxit cacbon, và hợp chất hữu cơ chưa rõ gốc tích – sẽ sinh ra trong không khí khi chất này đang cháy. Khi đốt cháy thì có thể tạo thành các oxit: Nitơ, Photpho, Lưu huỳnh .

ĐOẠN 6 PHƯƠNG PHÁP GIẢM TAI NẠN

Phương pháp bảo vệ: Tuân thủ tất cả các quy định địa phương và quốc tế có liên quan. Loại bỏ tất cả các nguồn gây cháy ở khu vực gần chất liệu chảy tràn. Cấm các nhân viên không liên quan và không được bảo hộ. Những người đi vào khu vực đã thấm nhiễm để sửa chữa sự cố – hoặc để xác định có an toàn cho việc tiếp tục hoạt động bình thường hay không – đều phải tuân thủ mọi chỉ dẫn trong phần Kiểm Soát Tiếp Xúc / Bảo Vệ Cá Nhân.
Kiểm soát chảy tràn: Hãy chặn đứng nguồn phóng thích nếu có thể thực hiện mà không bị nguy cơ rủi ro nào. Nên khống chế chất thoát ra để ngăn ngừa tiếp tục thấm nhiễm mặt đất, nước mặt hay nước ngầm. Dọn sạch vết loang càng sớm càng tốt ngay khi có thể, và nhớ tuân thủ biện pháp đề phòng ghi trong phần Kiểm Soát Tiếp Xúc / Bảo Vệ Cá Nhân. Nên dùng những kỹ thuật thích hợp, ví dụ như áp dụng phương pháp bơm hoặc sử dụng chất hấp thu nhanh nhưng khó cháy. Nếu khả thi và thích hợp thì dỡ bỏ lớp đất đã thấm nhiễm. Hãy đặt chất đã thấm nhiễm vào thùng chứa 'chỉ dùng một lần' rồi thải bỏ theo cách thức phù hợp với quy định hiện hành.
Báo cáo: Báo cáo vết dầu loang cho chính quyền địa phương khi thích hợp hoặc cần thiết.

ĐOẠN 7 XẾP DỠ VÀ BẢO QUẢN

Thông tin xếp dỡ chung: Tránh làm thấm nhiễm vào đất hoặc phóng thích chất này vào hệ thống thoát nước và cống rãnh cũng như các khu vực chứa nước.
Phương pháp phòng ngừa: Không hít thở chất khí này. Rửa kỹ sau khi xử lý. Nhớ để ngoài tầm tay trẻ em.
Nguy hiểm xếp dỡ bất thường: Một lượng khí sunfua hydro (H2S) độc hại có thể có trong bồn bảo quản và bình vận chuyển rời chứa hoặc đã chứa chất này. Những người mở hoặc đi vào các khoang này nên kiểm tra trước xem có H2S hay không. Xem Kiểm Soát Tiếp Xúc / Bảo Vệ Cá Nhân – Phần 8. Đừng lao vào cứu người bị tiếp nhiễm H2S quá mức khi chưa đeo trang bị thở áp suất dương hoặc độc lập được phê chuẩn. Nếu có khả năng vượt quá phân nửa mức tiêu chuẩn tiếp xúc trong nghề nghiệp, thì cần phải kiểm tra mức sunfua hydro. Do không thể dựa vào khứu giác để phát hiện H2S, nên phải đo nồng độ bằng cách sử dụng các thiết bị cố định hoặc lưu động.
Nguy hiểm tĩnh: Tĩnh điện có thể tích tụ và gây ra tình trạng nguy hiểm khi xử lý chất này. Có thể cần phải giữ chặt và tiếp đất để giảm thiểu hiểm họa này, nhưng bản thân những điều đó có thể là chưa đủ. Hãy xem lại mọi hoạt động có thể tạo ra và tích tụ tĩnh điện và / hoặc môi trường không khí dễ cháy (kể cả việc châm đầy bồn chứa và thùng chứa, châm đầy kiểu bắn tóe, làm vệ sinh bồn chứa, lấy mẫu, đo đạc, bật công tắc, lọc lựa, trộn, khuấy, hoạt động hút chân không) và vận dụng các phương thức thích hợp để giảm thiểu nguy cơ.
Cảnh Báo Trên Thùng Hàng: Thùng chứa không dùng để chịu áp suất cao. Không dùng áp lực để thổi sạch thùng chứa, vì nó có thể thủng vỡ với lực nổ mạnh. Các thùng chứa rỗng còn vương lại cặn sản phẩm (ở thể đặc, lỏng, và / hoặc hơi) và có thể rất nguy hiểm. Đừng tăng áp, cắt, hàn điện, hàn đồng, hàn hợp kim, khoan, mài, hoặc phơi bày thùng chứa như thế ra trước nhiệt, ngọn lửa, tia lửa, tĩnh điện, hoặc nguồn kích hỏa khác. Chúng có thể nổ tung và gây thương tật hoặc tử vong. Nên xả thùng ống rỗng hoàn toàn, đậy kín và nhanh chóng trả lại cho nơi tân trang thùng hay bỏ đúng cách.

ĐOẠN 8 KIỂM SOÁT TIẾP XÚC/BẢO VỆ CÁ NHÂN

THẬN TRỌNG CHUNG:
Hãy cân nhắc những hiểm họa tiềm tàng của chất này (xem Đoạn 2), các giới hạn tiếp xúc phơi nhiễm hiện hành, hoạt động cần thực hiện trong công việc – cùng với những chất khác tại nơi làm việc – khi thiết kế biện pháp kiểm soát kỹ thuật và chọn trang thiết bị bảo vệ cá nhân (PPE). Nếu các biện pháp kiểm soát kỹ thuật hoặc các cách thực hành công việc không phù hợp để ngăn ngừa việc tiếp xúc với mức độ có hại của vật liệu này, hãy tham khảo thông tin về thiết bị bảo vệ cá nhân (PPE) được trình bày bên dưới.

Các yếu tố ảnh hưởng đến PPE bao gồm, nhưng không giới hạn là: đặc tính của hóa chất, các hóa chất khác có thể tiếp xúc với cùng một PPE, các nhu cầu vật lý (cách ráp và kích thước, bảo vệ cắt / đâm thủng, sự khéo léo, bảo vệ nhiệt, v.v.), và các phản ứng dị ứng tiềm ẩn đối với vật liệu dùng trong thiết bị bảo vệ cá nhân. Người sử dụng có trách nhiệm đọc và hiểu tất cả các hướng dẫn và giới hạn được cung cấp cùng với thiết bị vì biện pháp bảo vệ thường được cung cấp trong một thời gian giới hạn hoặc trong một số trường hợp nhất định.

KIỂM SOÁT KỸ THUẬT:
Chỉ dùng tại nơi thông thoáng tốt.

THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN
Bảo vệ mắt / mặt: Mang trang thiết bị bảo vệ để tránh vấy vào mắt. Loạt trang thiết bị bảo vệ có thể lựa chọn là kính an toàn, kiếng bảo hộ chống hóa chất, tấm che mặt, hoặc kết hợp nhiều loại, tùy vào công việc cần thực hiện.
Bảo vệ da: Mang thiết bị bảo vệ cá nhân chống hóa chất (PPE) để tránh sự tiếp xúc với da. Việc lựa chọn quần áo bảo vệ chống hóa chất phải do một Chuyên gia Vệ sinh Lao động hoặc An toàn thực hiện và dựa trên các tiêu chuẩn hiện hành (ASTM F739 hoặc EN 374). Việc sử dụng thiết bị bảo vệ cá nhân (PPE) hóa học tùy thuộc vào các hoạt động được tiến hành và có thể bao gồm găng tay chống hóa chất, ủng, tạp dề chống hóa chất, bộ đồ chống hóa chất và việc bảo vệ da mặt hoàn chỉnh. **Tham khảo các nhà sản xuất thiết bị bảo vệ cá nhân (PPE) để có thông tin về thời gian đột phá nhằm xác định**

thiết bị bảo vệ cá nhân (PPE) có thể được sử dụng trong bao lâu trước khi cần thay thế. Trừ khi dữ liệu cụ thể của nhà sản xuất găng tay chỉ ra khác, bảng dưới đây dựa trên dữ liệu công nghiệp có sẵn để hỗ trợ quá trình lựa chọn găng tay và dự kiến chỉ được sử dụng làm tài liệu tham khảo.

Vật liệu găng tay hóa học	Độ dày (mm)	Thời gian đột phá tiêu biểu (phút)
Butyl	0.7	120
Nitril	0.8	240
Viton Butyl	0.3	240

Bảo vệ hô hấp: Việc đánh giá rủi ro tại từng địa điểm cụ thể phải được thực hiện bởi Chuyên gia vệ sinh trong nghề nghiệp hoặc Chuyên gia an toàn để xác định loại và cách sử dụng thiết bị bảo vệ hô hấp. Khi việc đánh giá rủi ro tại một địa điểm cụ thể xác định rằng cần phải có biện pháp bảo vệ hô hấp, hãy sử dụng mặt nạ phòng độc đã được phê duyệt như:

Mặt nạ lọc không khí -
Nếu các giới hạn nồng độ trong không khí vượt quá giới hạn phơi nhiễm hiện hành trong nghề nghiệp nhưng thấp hơn nồng độ tối đa được sử dụng.
Chỉ có hơi: hộp hơi hữu cơ (loại bộ lọc A3 theo EN 529:2005).
Hơi và hạt (bao gồm sương được tạo ra): cả hộp hơi hữu cơ và bộ lọc hạt (bộ lọc AP3 theo EN 529:2005).
Tham khảo về các nhà sản xuất mặt nạ để lấy thời gian hoạt động của hộp lọc / bộ lọc.

Mặt nạ cung cấp không khí dưới áp suất dương -
Nếu các giới hạn nồng độ trong không khí vượt quá nồng độ tối đa được sử dụng đem đến từ mặt nạ lọc không khí.
Nếu nồng độ khí hydro sulfide (H2S) trong không khí vượt quá giới hạn phơi nhiễm hiện hành trong nghề nghiệp do việc vật liệu này được hơ nóng. Để có thêm thông tin về H2S, xem tài liệu Chevron SDS 301.

Tham khảo EN 529:2005, USA OSHA 1910.134 và/hoặc các tiêu chuẩn địa phương/từng vùng/quốc gia/quốc tế hiện hành khác đối với các yêu cầu về mặt quy định.

Giới hạn tiếp xúc nghề nghiệp:

Thành phần	Quốc gia/ Cơ quan	Dạng	TWA	STEL	Trần nhà	Chú thích
Dầu khoáng tinh chế cao (C15–50)	ACGIH	--	5 mg/m3	10 mg/m3	--	--
Dầu khoáng tinh chế cao (C15–50)	Việt Nam	Sương	5 mg/m3	10 mg/m3	--	--

Nên tham vấn với chánh quyền địa phương để biết giá trị thích hợp.

ĐOẠN 9 THÀNH PHẦN LÝ HÓA

Lưu ý: Dữ liệu dưới đây là các giá trị điển hình và không cấu thành một đặc điểm kỹ thuật.

Màu sắc: Màu nâu sang vàng
Trạng thái vật lý: Chất lỏng
Mùi: Mùi dầu mỏ
Ngưỡng mùi: Không được kiểm tra / Không đo lường
pH: Không áp dụng
Áp suất hơi: Không được kiểm tra / Không đo lường
Mật độ tương đối của hơi nước: Không được kiểm tra / Không đo lường
Điểm sôi: Không được kiểm tra / Không đo lường
Độ hòa tan: Hòa tantrong hydrocacbon; không tan trong nước

Điểm đông: Không áp dụng
Tính chất của hạt: Không áp dụng
Tỉ trọng: 0.892 kg/l - 0.905 kg/l @ 15°C (59°F) (Điển hình)
Độ nhớt động học: 13.7 mm2/s - 29.0 mm2/s @ 100°C (212°F)
Hệ số của Nhiệt độ Giãn nở / °F: Không được kiểm tra / Không đo lường
Tốc độ bay hơi.: Không được kiểm tra / Không đo lường
Hệ số phân bố n-octanol/nước (giá trị logarit): Không được kiểm tra / Không đo lường

ĐẶC TÍNH DỄ BẮT CHÁY:
Điểm bốc cháy: (Thử nghiệm Open Cup Cleveland) 180 °C (356 °F) (Tối thiểu)
Tự bốc cháy: Không được kiểm tra / Không đo lường
Giới hạn dễ bắt lửa (Cháy Nổ) (% theo số lượng trong không khí): Thấp hơn: Không áp dụng
Cao hơn: Không áp dụng

ĐOẠN 10 ĐỘ BỀN VỮNG VÀ PHẢN ỨNG

Phản ứng: Có thể phản ứng với axit mạnh hay chất oxy hóa mạnh, như clorat, nitrat, peroxit, v. v…
Độ bền vững hóa học.: Chất này được cho là ổn định trong điều kiện nhiệt độ và áp lực xung quanh thông thường và xếp dỡ và bảo quản lường trước.
Không tương thích với các chất liệu khác: Không áp dụng
Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm: Mercaptan ankyl (Nhiệt độ tăng cao), Sunfua hydro (Nhiệt độ tăng cao)
Trùng hợp (polime hóa) nguy hiểm: Sẽ không xảy ra quá trình polyme hóa nguy hại.

ĐOẠN 11 THÔNG TIN ĐỘC TỐ

Xốn mắt: Chất này không được coi là chất gây kích ứng mắt. Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các tuyên bố này được dựa trên việc đánh giá dữ liệu của các chất tương tự hoặc các thành phần sản phẩm.

Độc tính da cấp tính: Chất này không được coi là chất độc qua da. Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các tuyên bố này được dựa trên việc đánh giá dữ liệu của các chất tương tự hoặc các thành phần sản phẩm.

Ngứa da: Chất này không được coi là chất gây kích ứng da. Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các tuyên bố này được dựa trên việc đánh giá dữ liệu của các chất tương tự hoặc các thành phần sản phẩm.

Nhạy cảm da: Chất này không được coi là chất gây mẫn cảm cho da. Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các tuyên bố này được dựa trên việc đánh giá dữ liệu của các chất tương tự hoặc các thành phần sản phẩm.

Độc tố cấp tính qua đường miệng: Chất này không được coi là chất độc qua đường miệng. Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các tuyên bố này được dựa trên việc đánh giá dữ liệu của các chất tương tự hoặc các thành phần sản phẩm.

Độc tố cấp tính hít vào: Chất này không được coi là chất độc qua đường hô hấp. Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các tuyên bố này được dựa trên việc đánh giá dữ liệu của các chất tương tự hoặc các thành phần sản phẩm.
Ước tính độc tố cấp tính: Chưa xác định

Khả Năng Gây Đột Biến Gien: Chất này không được coi là chất gây Đột biến Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các tuyên bố này được dựa trên việc đánh giá dữ liệu của các chất tương tự hoặc các thành phần sản phẩm.

Khả Năng Gây Ung Thư: Chất này không được coi là chất gây ung thư. Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các tuyên bố này được dựa trên việc đánh giá dữ liệu của các chất tương tự hoặc các thành

phần sản phẩm.

Độc Sinh Sản: Chất này không được coi là chất độc sinh sản. Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các tuyên bố này được dựa trên việc đánh giá dữ liệu của các chất tương tự hoặc các thành phần sản phẩm.

Chất độc đối với cơ quan nội tạng xác định - tiếp xúc một lần: Chất này không được coi là chất độc cơ quan đích (phơi nhiễm một lần). Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các tuyên bố này được dựa trên việc đánh giá dữ liệu của các chất tương tự hoặc các thành phần sản phẩm.

Chất độc đối với cơ quan nội tạng xác định - tiếp xúc lập lại: Chất này không được coi là chất độc cơ quan đích (phơi nhiễm lặp lại). Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các tuyên bố này được dựa trên việc đánh giá dữ liệu của các chất tương tự hoặc các thành phần sản phẩm.

Độc tính Hít phải: Chất này không được coi là một mối nguy hại hô hấp.

THÔNG TIN THÊM VỀ ĐỘC TÍNH:
Sản phẩm này có dầu gốc có thể được tinh chế bằng những tiến trình khác nhau bao gồm chiết xuất dung môi, cracking hydro, hay xử lý hydro mạnh. Không có loại dầu nào đòi hỏi có cảnh báo ung thư theo Tiêu Chuẩn Loan Báo Hiểm Họa của OSHA (29 CFR 1910. 1200). Những loại dầu này chưa được nêu trong Báo Cáo Thường Niên của Chương Trình Nghiên Cứu Độc Chất Quốc Gia (National Toxicology Program, hay NTP) hay được Cơ Quan Quốc Tế Nghiên Cứu Ung Thư (International Agency for Research on Cancer, hay IARC) xếp loại là; chất gây ung thư cho con người (Nhóm 1), có thể gây ung thư cho con người (Nhóm 2A), hay có khả năng gây ung thư cho con người (Nhóm 2B). Các loại dầu này chưa được Hội Nghị Mỹ Các Chuyên Gia Vệ Sinh Công Nghiệp Chính Phủ (American Conference of Governmental Industrial Hygienists, hay ACGIH) xếp loại là: chất xác định gây ung thư ở con người (A1), chất nghi ngờ gây ung thư ở con người (A2), hay chất xác định gây ung thư ở động vật có liên quan chưa biết đến con người (A3).

ĐOẠN 12 THÔNG TIN SINH THÁI

ĐỘC TÍNH SINH THÁI
Dự kiến chất này không gây hại cho thủy sinh vật.
Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Báo cáo được rút từ tính chất của các thành phần riêng.

CHUYỂN ĐỘNG
Không có sẵn dữ liệu.

ĐỘ BỀN BỈ VÀ PHÂN HỦY
Dự kiến chất này không dễ phân hủy sinh học. Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Báo cáo được rút từ tính chất của các thành phần riêng.

CÓ KHẢ NĂNG TÍCH LŨY SINH HỌC
Yếu tố nồng độ sinh học: Không có sẵn dữ liệu.
Hệ số phân bố n-octanol/nước (giá trị logarit): Không có sẵn dữ liệu

ĐOẠN 13 CẨN THẬN KHI VỨT BỎ

Sử dụng chất liệu cho mục đích định sẵn hay tái chế nếu có thể. Hiện đang có dịch vụ thu gom dầu đã sử dụng để tái chế hoặc tiêu hủy. Hãy đặt chất liệu đã thấm nhiễm vào thùng chứa rồi bỏ theo cách thức phù hợp với quy định hiện hành. Nên liên lạc với đại diện bán hàng của bạn hoặc cơ quan địa phương có thẩm quyền về môi trường hoặc sức khỏe để biết các phương pháp tái chế hay tiêu hủy đã được phê chuẩn.

ĐOẠN 14 THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

Mô tả trình bày không áp dụng cho tất cả các trường hợp gởi hàng. Tham khảo 49CFR, hay Quy Định Hàng Hóa Nguy Hiểm (Dangerous Goods Regulations) thích hợp để biết thêm các đòi hỏi mô tả khác (chẳng hạn như tên kỹ thuật) và đòi hỏi gởi hàng theo cách đặc biệt hay theo số lượng đặc biệt.

Mô Tả Gởi Hàng UN: NOT REGULATED AS DANGEROUS GOODS FOR TRANSPORT UNDER THE UNITED NATIONS MODEL REGULATIONS/RECOMMENDATIONS

Mô tả gởi hàng IMO / IMDG: NOT REGULATED AS DANGEROUS GOODS FOR TRANSPORT UNDER THE IMDG CODE

Mô tả gởi hàng ICAO / IATA: NOT REGULATED AS DANGEROUS GOODS FOR TRANSPORT UNDER ICAO

Vận chuyển hàng rời theo Phụ lục II của MARPOL 73/78 và bộ luật IBC: Không áp dụng

ĐOẠN 15 THÔNG TIN QUY ĐỊNH

DÒ TÌM DANH SÁCH QUY ĐỊNH:
01-1=IARC Nhóm 1
01-2A=IARC Nhóm 2A
01-2B=IARC Nhóm 2B
02-1=Danh sách các hóa chất cơ bản trong các ngành hóa chất chủ chốt (Nghị định số 24/2026/ND-CP Phụ lục 1)
02-2=Danh sách các hóa chất chịu sản xuất và kinh doanh có điều kiện (Nghị định số 24/2026/ND-CP Phụ lục 2)
02-3-1=Danh sách các hóa chất dưới sự kiểm soát đặc biệt (Nghị định số 24/2026/ND-CP, Phụ lục 3, Nhóm 1)
02-3-2=Danh sách các hóa chất dưới sự kiểm soát đặc biệt (Nghị định số 24/2026/ND-CP, Phụ lục 3, Nhóm 2)
02-4=Danh sách các hóa chất cần kế hoạch phòng ngừa và ứng phó tai nạn (Nghị định số 24/2026/ND-CP Phụ lục 4)
03-1=Danh sách các loại ma túy bị cấm trong kinh doanh đầu tư (Luật số 143/2025/QH15 Phụ lục 1)
03-2=Danh sách các hóa chất bị cấm (Luật số 143/2025/QH15 Phụ lục 2)
04=Danh sách các loại vũ khí hóa học bị cấm

Không một thành phần nào của chất này có tên trong danh sách bị kiểm soát ở trên.

DANH SÁCH HÓA CHẤT:
Mọi thành phần đều phù hợp với các yêu cầu kiểm kê hóa chất sau đây: AIIC (Úc), DSL (Canada), EINECS (Liên Minh Châu Âu), ENCS (Nhật Bản), IECSC (Trung Quốc), KECI (Hàn Quốc), NZIoC (Tân Tây Lan), PICCS (Philipin), TCSI (Đài Loan), TSCA (Hoa Kỳ).

ĐOẠN 16 CÁC THÔNG TIN KHÁC

BÁO CÁO DUYỆT LẠI: ĐOẠN 04 - SƠ CỨU - Da thông tin đã được sửa.
ĐOẠN 09 - THÀNH PHẦN LÝ HÓA thông tin đã được sửa.
Mục 15 - Thông tin Quy định thông tin đã được bổ sung.

Ngày duyệt lại: Tháng mười 06, 2026

CÁC CHỮ VIẾT TẮT SỬ DỤNG TRONG TÀI LIỆU NÀY:

TLV - Giá trị giới hạn ngưỡng	TWA - Trung bình trọng lượng thời gian
STEL - Giới Hạn Tiếp Xúc Ngắn Hạn	PEL - Giới hạn tiếp xúc cho phép
	CAS - Số Dịch Vụ Tóm Tắt Hóa Chất
ACGIH - American Conference of Governmental Industrial Hygienists	IMO/IMDG - International Maritime Dangerous Goods Code
API - American Petroleum Institute	SDS - Tờ Dữ Liệu An Toàn
CVX - Chevron	NFPA - National Fire Protection Association (USA)

	NTP - National Toxicology Program (USA)
IARC - International Agency for Research on Cancer	

Bảng dữ liệu an toàn được lập theo Thông tư số 01/2026/TT BCT của Bộ Công Thương, ban hành theo Luật Hóa chất số 69/2025/QH15 và phù hợp với Hệ thống hài hòa toàn cầu của Liên hợp quốc (GHS) của Chevron.

Thông tin trong tờ dữ liệu an toàn này dựa trên kiến thức, thông tin và sự tin tưởng của Chevron và các chi nhánh của công ty vào ngày xuất bản. Đây không phải là một thông số kỹ thuật về chất lượng và không có bảo hành nào được đưa ra, rõ ràng hay ngụ ý. Chúng tôi không chịu trách nhiệm hoặc trách nhiệm pháp lý về kết quả của việc sử dụng tài liệu này. Thông tin được trình bày ở đây chỉ liên quan đến sản phẩm được liệt kê. Vì các điều kiện sử dụng nằm ngoài tầm kiểm soát của chúng tôi nên người dùng có trách nhiệm xác định các điều kiện sử dụng an toàn sản phẩm này và đánh giá tính phù hợp của sản phẩm đối với ứng dụng của họ. Người dùng nên tìm kiếm hướng dẫn bổ sung, nếu cần thiết.